|  |
| --- |
| TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN |

**PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ORACLE**

(Version: 1.1)

**Lưu ý: Tất cả nghiệp vụ phải được xử lý bằng Store Procedure hoặc Package trên Database Oracle**

*Liên hệ team DBA khi có khúc mắc: ThinhNQ2, SangHQ, DanhDC4, AnND*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | LƯU Ý | TÀI LIỆU THAM KHẢO |
| 1 | Không sử dụng các prefix **SYS\_**, **ORA\_** , tên schema (**PAR, COR, …**) để đặt tên các đối tượng để tránh các xung đột hệ thống. | Tham khảo thêm tài liệu đính kèm Oracle Standards |
| 2 | Tất cả ứng dụng kế nối vào CSDL phải sử dụng phương thức Connection Pool (**DRCP).** | Tham khảo tài liệu: (.NET) |
| 3 | Sử dụng package để gom nhóm các cụm chức năng, hạn chế sử dụng store procedure. | Tài liệu tham khảo:  <https://docs.oracle.com/database/121/SQPUG/ch_twelve050.htm> |
| 4 | Sử dụng biến bind variables để viết query động. | Tài liệu tham khảo:  <https://docs.oracle.com/database/121/LNPLS/create_package.htm#LNPLS01371> |
| 5 | Sử dụng package DBMS\_SQL thay vì cộng chuổi như SQL server. | Tài liệu tham khảo:  <https://docs.oracle.com/cd/B28359_01/appdev.111/b28419/d_sql.htm#i1027597> |
| 6 | Oracle phân biệt chữ hoa và chữ thường nên trên ứng dụng phải convert thành dạng HOA, hoặc thường trước khi lưu vào CSDL |  |
| 7 | Lỗi front chữ khi ép buộc lưu tiếng việt vào kiểu dữ liệu varchar2 | Ràng buộc lại ở ứng dụng |
| 8 | Không sử dụng hàm trong điều kiện where (trường hợp bất khả kháng liên hệ đội DBA để được hướng dẫn chi tiết). | Tham khảo tài liệu Tuning |
| 9 | Một số column khi chuyển đổi từ SQL server sang oracle bắt buộc phải đổi tên theo quy định của đội DBA do trùng với từ khóa của hệ thống | Comment = Comments  Index = Indexs  Desc = Description  ONLINE = OnlineDate  OFFLINE = OfflineDate  CreateDesc = TransactionDesc  Resource = Resources  Level = Levels  Date = CreateDate  CreateDate = TransactionDate  Order = Orders |
| 10 | Sau khi thực hiện các câu lệnh DML (update, insert, delete) phải thực commit hoặc rollback |  |
| 11 | Không đặt commit, rollback trong vòng lặp, tránh commit quá nhiều lần |  |
| 12 | Không được sử dụng transaction query (trường hợp bất khả kháng liên hệ đội DBA để được hướng dẫn chi tiêt) |  |
| 13 | Bắt exception deadlock khi thực hiện các câu lệnh DML (update, delete) |  |
| 14 | Hạn chế tạo quá nhiều bảng tạm |  |
| 15 | Hạn chế sử dụng kiểu dữ liệu LOB, CLOB (trường hợp bất khả kháng liên hệ đội DBA để được hướng dẫn chi tiêt) |  |
| 16 | Luôn bắt Exception để close cursor khi open cursor. | EXCEPTION  WHEN OTHERS THEN  IF DBMS\_SQL.IS\_OPEN(cursor\_name) THEN  DBMS\_SQL.CLOSE\_CURSOR(cursor\_name);  END IF; |
| 17 | Sử dụng %Type và %Rowtype cho các parameters |  |
| 18 | Không nên sử dụng FULL JOIN, mà hãy sử dụng UNION, trường hợp UNION nhiều cụm lớn thì nên tách ra từng store và sử dụng lazy load để merge lại trên tầng code |  |
| 19 | Hạn chế sử dụng FROM DUAL quá nhiều, điều này sẽ làm giảm hiệu suất vì việc chuyển đổi ngữ cảnh khi truy cập vào DUAL table. |  |
| 20 | Không được sử dụng 2 cursor trong cùng 1 store (trường hợp bất khả kháng liên hệ đội DBA để được hướng dẫn chi tiêt) | Sử dụng 1 cursor/store và gọi nhiều API để merge trên client |
| 21 | Khai báo đúng datatype cho parameters và không khai báo dư parameters cũng như variables không cần thiết |  |
| 22 | Liên hệ DBA khi muốn tạo 1 bảng Log để lưu history | Vì bảng Log DBA sẽ thiết kế khác với các bảng normal nên cần cung cấp thông tin để DBA tư vấn và tạo bảng |
|  |  |  |